TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/KDTM - ST
Ngày: 18 – 8 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu.

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung**,** Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLST – KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐST - KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 79/2023/TB-HPT ngày 29/6/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 125/2023/TBMLPT-KDTM ngày 12/7/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 93/2023/QĐST-KDTM ngày ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Khu công nghiệp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công T – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức P – Kế toán trưởng. Ông P có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị B – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến N; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Bà B, ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S (sau đây sẽ viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1) đã ký 01 Hợp đồng kinh tế số: 0324/HĐKT/NAII-TT/2021, ngày 24/03/2021 "V/v: Mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm", theo đó, Công ty S sẽ bán cho Công ty TNHH T1 bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm, chất lượng, quy cách, hình thức thanh toán, địa điểm giao hàng...đã được thể hiện đầy đủ trong Hợp đồng kinh tế đã nêu ở trên.

Số lượng hàng hóa đã giao và thanh toán tiền cụ thể như sau: Giá trị hàng hóa đã xuất bán cụ thể từ tháng 03/2021 số tiền: 173.490.000 đồng; tháng 04/2021 số tiền: 191.920.000 đồng; tháng 5/2021 số tiền: 190.535.000 đồng; tháng 06/2021 số tiền: 247.920.000 đồng; tháng 7/2021 số tiền: 32.760.000 đồng; tháng 8/2021 số tiền: 168.205.000 đồng; tháng 9/2021 số tiền: 147.630.000 đồng; tháng 10/2021 số tiền: 49.210.000 đồng; tháng 11/2021 số tiền: 134.640.000 đồng; tháng 12/2021 số tiền: 61.600.000 đồng; tháng 01/2022 số tiền: 15.840.000 đồng; tổng số tiền của giá trị hàng hóa đã giao là 1.413.750.000 đồng. Sau khi nhận hàng hóa thì bên công ty T1 đã thanh toán cho Công ty S số tiền qua các tháng như sau: tháng 25/5/2021 trả số tiền 340.000.000 đồng; 25/6/2021 thanh toán số tiền 215.945.000 đồng; 12/8/2021 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng; 01/10/2021 thanh toán số tiền 150.000.000 đồng; 27/10/2021 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng; 19/11/2021 thanh toán số tiền 215.725.000 đồng; tổng số tiền đã thanh toán là: 1.201.670.000 đồng. Số tiền còn nợ lại 212.080.000 đồng. Công ty S trình bày thêm, tại hợp đồng kinh tế số 0324/HĐKT/NAII-TT/2021 ngày 24/03/2021 có quy định hiệu lực hợp đồng là 31/12/2021. Tuy nhiên trong tháng 01/2022 bên Công ty S vẫn cấp hàng theo yêu cầu của Công ty TNHH T1 (tại phiếu giao hàng ngày 09/01/2022 kèm theo). Giá trị khối lượng hàng hóa đã giao là: 15.840.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) tại hóa đơn số 0000027, ngày 19/01/2022. Sở dĩ có việc này vì Công ty S nghĩ, công trình đã gần xong, khối lượng cấp cho công trình này cũng đã đủ, và phía Công ty T1 cũng cam kết sẽ thực hiện nghiệm thu và thanh toán hết công nợ cho Công ty S, nên mới có việc xuất hóa đơn của tháng 01/2022.

Như vậy, giá trị khối lượng hàng hóa mà Công ty S đã giao hàng là: 1.413.750.000 đồng. Công ty T1 đã thanh toán là: 1.201.670.000 đồng. Số tiền công ty T1 còn nợ Công ty S là: 212.080.000 đồng. Từ đợt cuối Công ty S giao hàng cho Công ty T1 vào tháng 01/2022 đến nay Công ty T1 không thanh toán thêm bất kỳ một khoản nào cho Công ty S trên tổng số nợ phải trả. Nhiều lần Công ty S đã gửi đối chiếu công nợ, liên lạc yêu cầu thanh toán, tuy nhiên bên Công ty T1 không có thái độ hợp tác giải quyết, chây ỳ công nợ gây rủi ro cao và thiệt hại cho công ty S.

Tính đến thời điểm xét xử hôm nay 18/8/2023 Công ty T1 còn nợ Công ty S số tiền gốc là: 212.080.000 đồng. Số tiền lãi phát sinh do Công ty T1 đã vi phạm Hợp đồng, cố ý chây ì, chiếm dụng vốn của công ty S II hơn 01 năm qua (lãi suất 10% / năm, mức lãi suất tiền vay không thể chấp, theo quy định của Ngân hàng) tính đến ngày 18/8/2023 là: 55.336.947 đồng – Kèm theo bảng tính lãi phải trả. Như vậy, tổng số tiền (gốc cộng lãi)

mà Công ty T1 có nghĩa vụ phải trả cho Công ty S : 212.080.000 đồng + 55.336.947 đồng = 267.416.947 đồng.

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại bản tự khai; buổi hòa giải:

Công ty T1 và Công ty S đã ký 01 Hợp đồng kinh tế số: 0324/HĐKT/NAII-TT/2021, ngày 24/03/2021 "V/v: Mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm", quá trình mua bản thì Công ty T1 có nợ tiền mua bê tông của Công ty S, tuy nhiên tổng số nợ bao nhiêu đại diện theo ủy quyền nắm chưa rõ, vì hiện tại chưa có bản đối chiếu công nợ, xin Tòa án cho công ty T2 để kiểm tra lại hiện Công ty T1 còn nợ Công ty S cụ thể là bao nhiêu, để cùng đưa ra phương án giải quyết phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Đ, thành phố Đ nên Tòa án thành phố Đ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 50, 51, 306 Luật Thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử buộc Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty S tổng số tiền tính đến ngày 18/8/2023 với tổng số tiền là: 267.416.947 đồng (trong đó nợ gốc: 212.080.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 55.336.947 đồng). Lãi trả chậm thanh toán sẽ tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH T1 thanh toán xong công nợ.

Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty TNHH T1 do bà Nguyễn Thị B làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật có địa chỉ trụ sở tại: Số A đường D, phường Đ, thành

phố Đ, tỉnh Quảng Bình căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 trả số tiền gốc và lãi chậm trả tại Hợp đồng kinh tế số: 0324/HĐKT/NAII-TT/2021, ngày 24/03/2021 "V/v: Mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm". Công ty Cổ phần S và Công ty TNHH T1 là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" trong hoạt động kinh doanh thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp chứng cứ và Thông báo đưa người tham gia tố tụng vào vụ án. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

[1.5] Về sự có mặt của đương sự: Đối với bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp, hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng kinh tế số 0324/HĐKT/NAII-TT/2021, ngày 24/03/2021 "V/v: Mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm": *"Bên A đặt* hàng và bên B chấp nhận cung ứng bê tông thương phẩm, mẫu thử hình lập phương (150mmx150mmx150mm) theo TCVN, với đơn giá và nội dung chi tiết cụ thể tại hợp đồng"; địa điểm cung cấp: Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình". Hợp đồng được ký kết và thực hiện giữa Công ty S và Công ty T1. Xét đây là hợp đồng có hình thức, nội dung không trái pháp luật và được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Căn cứ Hợp đồng kinh tế 0324/HĐKT/NAII-TT/2021, ngày 24/03/2021 "V/v: Mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm": *"Bên A đặt hàng và bên B chấp nhận cung ứng bê tông thương phẩm, mẫu thử hình lập phương (150mmx150mmx150mm) theo TCVN, với đơn giá và nội dung chi tiết cụ thể tại hợp đồng"; địa điểm cung cấp: Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. giữa nguyên đơn bên bán và bên mua bị đơn. Có căn cứ xác định việc hai bên có ký hợp đồng về việc mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công, công trình tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.*

[2.2.2] Căn cứ vào Điều 2 của hợp đồng thì phương thức giao nhận như sau: - *"Lịch giao nhận bê tông: Bên A đặt hàng bên B trước 24 giờ bằng đơn đặt hàng và bên B xác nhận đơn đặt hàng và cung cấp bê tông đúng theo thời gian bên A yêu cầu, trong đơn đặt hàng phải thể hiện rõ địa điểm, thời gian cung cấp, khối lượng, mác, loại phụ gia của bê tông. Trong trường hợp hai bên có trở ngại đến kế hoạch cung cấp bê tông thì phải thông báo cho nhau ít nhất trước 3 giờ bằng điện thoại.*

- Bên A xác nhận cho Bên B những người được giao nhiệm vụ thay mặt Bên A đặt, nhận hàng bao gồm những thông tin sau: Họ tên, chức vụ, số điện thoại.

- Giá trị hợp đồng được tính toán dựa trên khối lượng bê tông theo yêu cầu thực tế công trình đã thực hiện. Giá trị cuối cùng của hợp đồng được xác định dựa trên khối lượng được hai bên ký xác nhận trong các Phiếu giao hàng và các phiếu giao hàng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng kinh tế này. Trong quá trình cung cấp bê tông cho bên A, bên A có quyền cử người giám sát quá trình sản xuất bê tông tại trạm trộn bê tông của bên B. Nếu trong quá trình đổ bê tông có phát sinh khối lượng hai bên cùng bàn bạc thống nhất cách giải quyết".

Cũng tại Điều 3 của Hợp đồng thì: *"Phương thức thanh toán: - Căn cứ vào các Phiếu giao hàng của từng đợt đổ có xác nhận của bên A, bên B tổng hợp và cuối tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng, giá trị thực hiện trong tháng. - Bên A thanh toán 100% giá trị trong tháng cho bên B trong vòng 5 ngày làm việc. - Bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A. - Trong vòng 30 ngày nếu không phát sinh khối lượng bên A phải thanh toán 100% giá trị còn lại cho bên B".*

[2.2.3] Căn cứ vào khối lượng bê tông mà bên A đã giao cho bên B và khối lượng dịch vụ bơm, vận chuyển. Bên A đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng và gửi đến địa chỉ của bên B và nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Tổng các hóa đơn đã xuất từ ngày 31/3/2021 đến 19/01/2022 gồm 32 hóa đơn như sau: Hóa đơn số 0000395, ký hiệu NA/20E ngày 31/3/2021; Hóa đơn số 0000396, ký hiệu NA/20E ngày 31/3/2021; Hóa đơn số 0000437, ký hiệu NA/20E ngày 29/4/2021; Hóa đơn số 0000438, ký hiệu NA/20E ngày 29/4/2021; Hóa đơn số 0000498, ký hiệu NA/20E ngày 31/5/2021; Hóa đơn số 0000499, ký hiệu NA/20E ngày 31/5/2021; Hóa đơn số 0000500, ký hiệu NA/20E ngày 31/5/2021; Hóa đơn số 0000555, ký hiệu NA/20E ngày 30/6/2021; Hóa đơn số 0000556, ký hiệu NA/20E ngày 30/6/2021; Hóa đơn số 0000557, ký hiệu NA/20E ngày 30/6/2021; Hóa đơn số 0000558, ký hiệu NA/20E ngày 30/6/2021; Hóa đơn số 0000589, ký hiệu NA/20E ngày 29/7/2021; Hóa đơn số 0000590, ký hiệu NA/20E ngày 29/7/2021; Hóa đơn số 0000696, ký hiệu NA/20E ngày 31/8/2021; Hóa đơn số 0000697, ký hiệu NA/20E ngày 31/8/2021;

Hóa đơn số 0000709, ký hiệu NA/20E ngày 26/9/2021; Hóa đơn số 0000742, ký hiệu NA/20E ngày 18/10/2021; Hóa đơn số 0000747, ký hiệu NA/20E ngày 28/10/2021; Hóa đơn số 0000774, ký hiệu NA/20E ngày 31/10/2021; Hóa đơn số 0000775, ký hiệu NA/20E ngày 31/10/2021; Hóa đơn số 0000801, ký hiệu NA/20E ngày 03/11/2021; Hóa đơn số 0000807, ký hiệu NA/20E ngày 06/11/2021; Hóa đơn số 0000815, ký hiệu NA/20E ngày 15/11/2021; Hóa đơn số 0000821, ký hiệu NA/20E ngày 19/11/2021; Hóa đơn số 0000823, ký hiệu NA/20E ngày 21/11/2021; Hóa đơn số 0000830, ký hiệu NA/20E ngày 24/11/2021; Hóa đơn số 0000835, ký hiệu NA/20E ngày 26/11/2021; Hóa đơn số 0000914, ký hiệu NA/20E ngày 18/12/2021; Hóa đơn số 0000937, ký hiệu NA/20E ngày 25/12/2021; Hóa đơn số 0000941, ký hiệu NA/20E ngày 26/12/2021; Hóa đơn số 0000948, ký hiệu NA/20E ngày 27/12/2021; Hóa đơn số 0000027, ký hiệu NA/20E ngày 19/01/2022 với tổng số tiền là: 1.413.750.000 đồng. Sau đó bên B đã thanh toán cho bên A số tiền là: 1.201.670.000 đồng cụ thể: Ngày 25/5/2021 thanh toán số tiền: 340.000.000 đồng; ngày 25/6/2021 thanh toán số tiền: 215.945.000 đồng; ngày 08/12/2021 thanh toán số tiền: 200.000.000 đồng; ngày 01/10/2021 thanh toán số tiền: 150.00.000 đồng; ngày 27/10/2021 thanh toán số tiền: 80.00.000 đồng; ngày 19/11/2021 thanh toán số tiền: 215.725.000 đồng; số tiền còn lại bên Công ty T1 chưa thanh toán là 212.080.000 đồng.

Do đó, có căn cứ để xác định nguyên đơn không phải tự ý xuất hóa đơn mà dựa trên khối lượng hàng đã giao để thực hiện, nên chấp nhận đối với hóa đơn này của nguyên đơn. Như vậy, cho đến thời điểm hiện nay bị đơn vẫn chưa thanh toán tiếp số tiền gốc cho nguyên đơn, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Công ty T1 không thanh toán nợ và vi phạm thực hiện hợp đồng là bên có lỗi.

[2.2.4] Kể từ khi nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT cho bị đơn, cho đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì phía bị đơn không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc nguyên đơn cung cấp bê tông không đúng khối lượng, chất lượng...hoặc vi phạm gì về hợp đồng. Mặt khác bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc nhận được hóa đơn GTGT của bên nguyên đơn.

Được ghi rõ tại Điều 5 Hợp đồng kinh tế đã nêu " *Qui cách và kiểm tra chất lượng: - Loại và cường độ bê tông được đáp ứng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của công trình. Lấy mẫu và đúc mẫu theo TCVN 4453/1995, thí nghiệm cường độ theo TCVN 3118- 93. - Bên A có quyền khiếu nại bằng văn bản: về khối lượng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận bê tông và trước khi cấu kiện bị che lấp, về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận bê tông. Sau thời hạn trên mà bên B không nhận bất kỳ sự khiếu nại nào thì coi như khối lượng bê tông đã cấp cho công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu đặt hàng. - Trong trường hợp có khiếu nại về khối lượng, bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng với kỹ thuật Bên A kiểm tra, đo khối lượng thực tế đã cung cấp và hai bên cùng tìm phương hướng giải quyết. Sai sót của phía bên nào thì bên đó chịu trách nhiệm. - Nếu có trách nhiệm cung cấp cho Bên A đầy đủ các kết quả thí nghiệm của các mẫu đúc tại công trường. Kết quả ép mẫu đối chứng tại phòng thí nghiệm trung gian được sự chấp nhận của Bên A và Bên B là cơ sở để giải quyết đi đến thống nhất"*

Nguyên đơn sản xuất đảm bảo chất lượng bê tông theo yêu cầu đặt hàng và mác theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành: *Lấy mẫu và đúc mẫu theo TCVN 4453/1995, thí nghiệm cường độ theo TCVN 3118- 93.* Nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn từ tháng 3/2021 đến tháng 01/2022 trong khoảng thời gian dài nhưng bị đơn không hề có phản ánh nào đến chất lượng, khối lượng bê tông hay bất cứ vấn đề phát sinh nào khác. Đủ để chứng minh chất lượng, khối lượng bê tông do nguyên đơn giao theo đơn đặt hàng của bị đơn hoàn toàn đúng cả số lượng và chất lượng. Nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn tổng khối lượng là 1.408m^3 tương đương 1.413.750.000 đồng tương ứng với khối lượng trên các hóa đơn đã xuất cho bị đơn, trong thời gian cấp hàng bị đơn không có bất cứ phản hồi về việc có hao hụt khối lượng bê tông. Như vậy, khẳng định việc mua bán và đổ bê tông tại địa bàn thành phố Đ là có thật.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ kết quả khảo sát lãi suất nợ quá hạn của 03 Ngân hàng (Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh Q; Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh Q; Ngân hàng N2 chi nhánh Q) trên địa bàn thành phố Đ xác định là 14,25%/năm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận với cách tính lãi của bị đơn như sau:

STT	Ngày	Số hóa đơn	Giá trị mua hàng	Số tiền đã thanh toán	Số tiền tính lãi	Tính lãi chậm thanh toán		Số ngày	Số tháng	Số tiền lãi chậm thanh toán
						Từ ngày	Đến ngày			
1	3/31/2021	0000395	171,490,000		-					
2	3/31/2021	0000396	2,000,000		-					
3	4/29/2021	0000437	189,920,000		173,490,000	4/1/2021	4/29/2021	29	0.97	1,378,414
4	4/29/2021	0000438	2,000,000		-					-
5	5/25/2021		-	340,000,000	366,788,414	4/30/2021	5/25/2021	26	0.87	2,612,739
6	5/31/2021	0000498	128,620,000		29,401,153	5/26/2021	5/31/2021	6	0.19	48,331
7	5/31/2021	0000499	55,915,000							-
8	5/31/2021	0000500	6,000,000							-
9	6/25/2021		-	215,945,000	219,984,484	6/1/2021	6/25/2021	25	0.83	1,506,743
10	6/30/2021	0000555	38,570,000		5,546,227	6/26/2021	6/30/2021	5	0.17	7,598
11	6/30/2021	0000556	45,100,000							-
12	6/30/2021	0000557	161,850,000							-

13	6/30/2021	0000558	2,400,000							-
14	7/29/2021	0000589	30,760,000		253,473,824	7/1/2021	7/29/2021	29	0.94	2,013,902
15	7/29/2021	0000590	2,000,000							-
16	8/12/2021		-	200,000,000	288,247,726	7/30/2021	8/12/2021	14	0.45	1,105,608
17	8/31/2021	0000696	166,205,000		89,353,334	8/13/2021	8/31/2021	19	0.61	465,127
18	8/31/2021	0000697	2,000,000							-
19	9/26/2021	0000709	147,630,000		258,023,461	9/1/2021	9/26/2021	26	0.87	1,837,975
20	10/1/2021		-	150,000,000	407,491,436	9/27/2021	10/1/2021	5	0.17	558,207
21	10/18/2021	0000742	18,040,000		258,049,643	10/2/2021	10/18/2021	17	0.55	1,201,875
22	10/27/2021		-	80,000,000	277,291,518	10/19/2021	10/27/2021	9	0.29	683,733
23	10/28/2021	0000747	18,040,000		197,975,251	10/28/2021	10/28/2021	1	0.03	54,240
24	10/31/2021	0000774	11,130,000		216,069,491	10/29/2021	10/31/2021	3	0.10	177,591
25	10/31/2021	0000775	2,000,000							-
26	11/3/2021	0000801	19,440,000		229,377,082	11/1/2021	11/3/2021	3	0.10	188,529
27	11/6/2021	0000807	19,440,000		249,005,611	11/4/2021	11/6/2021	3	0.10	204,662
28	11/15/2021	0000815	18,000,000		268,650,273	11/7/2021	11/15/2021	9	0.30	662,425
29	11/19/2021	0000821	19,440,000	215,725,000	287,312,699	11/16/2021	11/19/2021	4	0.13	314,863
30	11/21/2021	0000823	19,440,000		91,342,562	11/20/2021	11/21/2021	2	0.07	50,051
31	11/24/2021	0000830	19,440,000		110,832,613	11/22/2021	11/24/2021	3	0.10	91,095
32	11/26/2021	0000835	19,440,000		130,363,708	11/25/2021	11/26/2021	2	0.07	71,432
33	12/18/2021	0000914	18,000,000		149,875,140	11/27/2021	12/18/2021	22	0.71	903,357
34	12/25/2021	0000937	14,400,000		168,778,497	12/19/2021	12/25/2021	7	0.23	323,685
35	12/26/2021	0000941	18,000,000		183,502,182	12/26/2021	12/26/2021	1	0.03	50,275
36	12/27/2021	0000948	11,200,000		201,552,457	12/27/2021	12/27/2021	1	0.03	55,220
37	1/19/2022	0000807	15,840,000		212,807,676	12/28/2021	1/19/2022	23	0.74	1,340,980
38	8/18/2023				229,988,656	1/20/2022	8/18/2023	594	19.80	37,428,291
	Cộng		**1,413,750,000**	**1,201,670,000**				**888**	**29.4**	**55,336,947**

Bị đơn không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết, nên nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với bị đơn từ thời điểm chậm thanh toán, kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng và trong vòng 30 ngày nếu không phát sinh khối lượng bên A phải thanh toán 100% giá trị còn lại của bên B, với mức lãi 10%/năm. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 55.336.947 đồng.

Từ các mục [2.2], [2.3] Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S toàn bộ

số nợ gốc và lãi chậm trả, tạm tính đến ngày 18/8/2023 với tổng số tiền là: 267.416.947 đồng (trong đó nợ gốc: 212.080.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 55.336.947 đồng).

[3] Xét ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn mặc dù đã thừa nhận quá trình mua bán bê tông Công ty TNHH T1 có nợ Công ty S, tuy nhiên tổng số nợ bao nhiêu đại diện theo ủy quyền nắm chưa rõ, vì hiện tại chưa có bản đối chiếu công nợ, xin Tòa án cho công ty T2 để kiểm tra lại hiện Công ty T1 còn nợ Công ty S bao nhiêu. Tuy nhiên buổi hòa giải sau đó bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không liên lạc và tham gia đối chiếu với nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình, vắng mặt không có lý do tại buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa. Vì vậy, ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 củaNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banthường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sửdụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền x 5% của giá trị tranh chấp là: 267.416.947 đồng x 5% = 13.370.847 đồng để sung quỹ nhà nước.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 6.336.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001472 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 357; 385; 386; 398; 401; 430; 434; 435; 436; 440 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 50, 51 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

1.1. Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 18/8/2023 là 267.416.947 đồng, bao gồm: Nợ tiền hàng 212.080.000 đồng, lãi chậm trả: 55.336.947 đồng.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực.

1.2. Từ ngày 19/8/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty TNHH T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 13.370.847 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 6.336.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001472 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/8/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Công ty Cổ phần S1), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (Công ty TNHH S2) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quá hạn bình quân của liên ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.